TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST Ngày: 22-5-2019 "V/v Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 22, Ô 3, Ấp B 1, xã H L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 2, ấp V A, xã BG, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 22, Ô 3, Ấp B 1, xã H L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 2, ấp V A, xã B G, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

(Chị Tr có đơn xin vắng mặt, anh Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Tuyết Tr trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì chị Tuyết Tr và anh Tuấn A đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 8 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã BG, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng từ giữa năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống, cũng như sinh hoạt hàng ngày, anh Tuấn A thường xuyên cờ bạc, chơi cá độ, gây ra nợ nần, không quan tâm đến cuộc sống gia đình dẫn đến cải vã to tiếng với nhau nên không thể sống chung được.

Đến nay chị Tr thấy rằng tình cảm vợ chồng không, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng,cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể nào hàn gắn để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết Tr yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Tuấn A.

Về nuôi con chung: Chị Tr và anh Tuấn A có 02 người con chung là Phạm Linh Đ, sinh ngày 04-7-2006; Phạm Đăng Kh, sinh ngày 12/3/2010. Chị Tr có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng cá cháu Đ và cháu Kh không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao 02 cháu Phạm Linh Đ, sinh ngày 04-7-2006; Phạm Đăng Kh, sinh ngày 12/3/2010 cho chị Tr được quyền nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Tr không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị Tr không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng*:* Chị Tr và anh Tuấn A sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị Tr yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh Tuấn A là xã B G, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Tr vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Tr và anh Tuấn A trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 8 năm 2005 tại UBND xã BG, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị Tr nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không thể hòa hợp trong cuộc sống cũng như trong sinh hoạt, anh Tuấn A thường xuyên chơi số đề, cờ bạc, gây ra cảnh nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã. Từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị Tr, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Tuấn A để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh Tuấn A vẫn không đến chứng tỏ anh Tuấn A không có thiện chí đoàn tụ. Ngoài ra theo chứng cứ chị Tr cung cấp thì mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Tuấn A là có thật, do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nên từ giữa năm 2009. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh Tuấn A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Tr được ly hôn với anh Tuấn A.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trh và anh Tuấn A có 02 người con chung là Phạm Linh Đ, sinh ngày 04-7-2006; Phạm Đăng Kh, sinh ngày 12/3/2010. Xét thấy, từ khi chị Tr và anh Tuấn A ly thân thì cháu Đ và cháu Kh được chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện cháu Đ và cháu Kh điều có nguyện vọng xin được sống với mẹ nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao các cháu cho chị Tr được quyền nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tr không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Tr không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết Tr và anh Phạm Tuấn A.

2.Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết Tr và anh Phạm Tuấn A có 02 người con chung là Phạm Linh Đ, sinh ngày 04-7-2006; Phạm Đăng Kh, sinh ngày 12/3/2010.

Giao hai con chung là Phạm Linh Đ, sinh ngày 04-7-2006; Phạm Đăng Kh, sinh ngày 12/3/2010 cho chị Nguyễn Thị Tuyết Tr trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Tuyết Tr không yêu cầu anh Phạm Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị Tr đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0009510 ngày 22 tháng 01 năm 2019; Chị Nguyễn Thị Tuyết Tr đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22-5-2019), đối với chị Nguyễn Thị Tuyết Tr và anh Phạm Tuấn A vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi gởi:
- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã BG;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÀO TRỌNG HẢI